

**CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH THƯƠNG MẠI APORLO**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH THƯƠNG MẠI APORLO

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: APORLO MANUFACTURING AND BUSINESS TRADING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: APORLO MANUFACTURING AND BUSINESS TRADING CO., LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109901066

**3. Ngày thành lập:** 27/01/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Thôn Hội Phụ, Xã Đông Hội, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0988360826

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                | Mã ngành |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác<br>(Trừ hoạt động đầu giá)                                           | 4511     |
| 2.  | Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)<br>(Trừ hoạt động đầu giá)                                   | 4512     |
| 3.  | Đại lý ô tô và xe có động cơ khác<br>(Trừ hoạt động đầu giá)                                             | 4513     |
| 4.  | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác                                                           | 4520     |
| 5.  | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác<br>(Trừ hoạt động đầu giá)            | 4530     |
| 6.  | Bán mô tô, xe máy<br>(Trừ hoạt động đầu giá)                                                             | 4541     |
| 7.  | Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy                                                                      | 4542     |
| 8.  | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy<br>(Trừ hoạt động đầu giá)                         | 4543     |
| 9.  | Đại lý, môi giới, đầu giá hàng hóa<br>Chi tiết:<br>- Đại lý bán hàng hóa,<br>- Môi giới mua bán hàng hóa | 4610     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 10. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác<br>- Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh<br>- Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh<br>- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện<br>- Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự<br>- Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm<br>- Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao                   | 4649 |
| 11. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4651 |
| 12. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông<br>(Trừ thiết bị thu phát sóng)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4652 |
| 13. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4653 |
| 14. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại) | 4659 |
| 15. | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4661 |
| 16. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>(Trừ hoạt động kinh doanh vàng miếng và vàng nguyên liệu)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4662 |
| 17. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4663 |
| 18. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt<br>- Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép<br>- Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh<br>- Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp)<br>- Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại                                                                                                                             | 4669 |
| 19. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 8299 |
| 20. | Bán buôn tổng hợp<br>(Trừ các ngành nghề nhà nước cấm kinh doanh theo Luật Đầu tư)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4690 |
| 21. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4711 |

|     |                                                                                                                                                           |             |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 22. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket)<br>- Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket) | 4719        |
| 23. | Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao                                                                                         | 2395        |
| 24. | Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá                                                                                                                             | 2396        |
| 25. | Sản xuất sắt, thép, gang                                                                                                                                  | 2410        |
| 26. | Sản xuất kim loại quý và kim loại màu<br>(không bao gồm sản xuất vàng miếng, vàng nguyên liệu)                                                            | 2420        |
| 27. | Sản xuất các cấu kiện kim loại                                                                                                                            | 2511        |
| 28. | Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại                                                                                                          | 2591        |
| 29. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                              | 2592(Chính) |
| 30. | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế                                                                                                                             | 3100        |
| 31. | Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan<br>(không bao gồm sản xuất vàng miếng, vàng nguyên liệu)                                                       | 3211        |
| 32. | Sản xuất đồ giả kim hoàn và chi tiết liên quan                                                                                                            | 3212        |
| 33. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                   | 3320        |
| 34. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                    | 4741        |
| 35. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                      | 4752        |

**6. Vốn điều lệ:** 3.000.000.000 VNĐ

#### 7. Danh sách thành viên góp vốn:

| STT | Tên thành viên | Quốc tịch | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức               | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức | Ghi chú |
|-----|----------------|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | TRẦN HÀ TRUNG  | Việt Nam  | Thôn Tri Lễ, Xã Tân Ước, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                 | 600.000.000           | 20,000    | 001098016223                                                                                            |         |
| 2   | TRẦN ANH TÚ    | Việt Nam  | Số 51 Ngõ 199 Lò Đúc, Phường Đồng Mác, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 2.400.000.000         | 80,000    | 001078007708                                                                                            |         |

#### 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: TRẦN ANH TÚ

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 30/12/1978

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001078007708

Ngày cấp: 10/05/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số 51 Ngõ 199 Lò Đúc, Phường Đồng Mác, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 51 Ngõ 199 Lò Đúc, Phường Đồng Mác, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội